



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT**

\*\*\*\*\*

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

## **QUÝ IV/2016**

THÁNG 01/2017



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 01 - DN/IN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>18.169.854.347.204</b>	<b>11.915.177.133.485</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.558.660.713.505</b>	<b>2.372.761.840.865</b>
Tiền	111	V.1	556.922.713.727	349.396.206.420
Các khoản tương đương tiền	112		4.001.737.999.778	2.023.365.634.445
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>693.498.769.815</b>	<b>758.094.875.121</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	693.498.769.815	758.094.875.121
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.386.926.010.205</b>	<b>1.608.216.522.801</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.530.020.527.490	1.210.987.095.176
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		722.329.120.353	390.265.827.195
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	175.058.311.526	47.234.353.011
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(41.339.337.971)	(41.276.739.619)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		857.388.807	1.005.987.038
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>10.247.213.245.079</b>	<b>6.937.441.787.064</b>
Hàng tồn kho	141		10.391.513.459.256	7.208.055.393.649
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(144.300.214.177)	(270.613.606.585)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>283.555.608.600</b>	<b>238.662.107.634</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.987.922.592	18.548.607.805
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		255.638.597.538	212.136.927.444
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		8.803.759.450	7.976.572.385
Tài sản ngắn hạn khác	155		125.329.020	-

M.S.D.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>15.056.701.779.891</b>	<b>13.591.592.052.060</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>25.301.827.438</b>	<b>16.485.258.954</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		2.500.000.000	5.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4	22.801.827.438	11.485.258.954
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.670.104.393.719</b>	<b>8.211.430.447.399</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	12.487.455.709.906	8.047.470.109.033
<i>Nguyên giá</i>	222		18.855.071.580.908	13.055.040.780.097
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.367.615.871.002)	(5.007.570.671.064)
Tài sản cố định vô hình	227	V.8	182.648.683.813	163.960.338.366
<i>Nguyên giá</i>	228		215.970.717.186	193.249.079.259
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(33.322.033.373)	(29.288.740.893)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.9</b>	<b>202.756.917.580</b>	<b>192.494.292.820</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		245.628.493.960	236.450.059.552
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(42.871.576.380)	(43.955.766.732)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.230.511.021.929</b>	<b>4.342.159.437.952</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		47.019.409.284	2.970.929.067
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	1.183.491.612.645	4.339.188.508.885
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>78.864.136.876</b>	<b>102.545.479.270</b>
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		3.271.387.743	3.806.335.925
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.702.128.365	15.702.128.365
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		59.890.620.768	83.037.014.980
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>849.163.482.349</b>	<b>726.477.135.665</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	647.006.412.215	551.682.828.680
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		127.323.104.170	83.703.031.782
Lợi thế thương mại	269	V.11	74.833.965.964	91.091.275.203
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>33.226.556.127.095</b>	<b>25.506.769.185.545</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>13.372.600.227.415</b>	<b>11.040.058.800.235</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.431.329.890.032</b>	<b>9.992.832.755.685</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	3.733.661.028.705	2.638.687.908.117
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.036.123.955.455	50.112.574.555
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	744.386.383.361	398.530.099.807
Phải trả người lao động	314		262.345.657.291	212.634.466.249
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	159.606.432.529	106.756.384.950
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		5.433.344.113	14.311.517.049
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	140.597.741.406	95.876.723.487
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	5.938.170.638.894	6.116.817.325.257
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	14.918.462.172	9.745.648.320
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		396.086.246.105	349.360.107.894
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>941.270.337.384</b>	<b>1.047.226.044.550</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15	280.768.142.325	181.520.840.109
Phải trả dài hạn khác	337	V.16	118.559.169.199	110.185.097.424
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	522.200.000.000	739.000.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		908.089.744	157.445.445
Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	18.834.936.116	16.362.661.572



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 01 - DN/IN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>19.853.955.899.680</b>	<b>14.466.710.385.310</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	19.853.955.899.680	14.466.710.385.310
Vốn cổ phần	411		8.428.749.560.000	7.329.514.190.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.428.749.560.000	7.329.514.190.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		674.149.437.068	674.149.437.068
Cổ phiếu quỹ	415		(1.093.000.000)	(638.500.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.156.415.747.213	891.436.091.839
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.489.760.497.926	5.549.332.356.102
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.540.574.174.546	2.455.676.950.702
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.949.186.323.380	3.093.655.405.400
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		105.973.657.473	22.916.810.301
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>33.226.556.127.095</b>	<b>25.506.769.185.545</b>

Hưng Yên, ngày 21 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Trang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Kim Oanh



Tổng Giám đốc

Trần Tuấn Dương

18/01/2017

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.175.570.619.002	7.253.822.490.923	33.884.892.008.435	27.864.558.436.964
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	225.070.696.076	132.045.611.414	601.676.353.448	411.626.322.631
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	9.950.499.922.926	7.121.776.879.509	33.283.215.654.987	27.452.932.114.333
11	Giá vốn hàng bán	7.311.373.166.577	5.816.928.555.599	24.532.635.470.971	21.858.956.167.813
20	Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	2.639.126.756.349	1.304.848.323.910	8.750.580.184.017	5.593.975.946.520
21	Doanh thu hoạt động tài chính	45.692.898.464	65.772.210.931	190.963.657.136	248.607.642.113
22	Chi phí tài chính	100.756.323.038	108.250.152.524	361.769.245.418	566.233.897.606
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	62.619.491.648	77.004.347.495	280.046.486.887	251.337.896.345
24	Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	(504.346.848)	(139.989.863)	(534.948.182)	(190.801.524)
25	Chi phí bán hàng	156.849.308.868	112.471.719.376	489.954.015.797	424.150.105.358
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	170.078.092.368	420.622.244.545	404.700.881.357	760.822.612.994
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	2.256.631.583.690	729.136.428.533	7.684.584.750.399	4.091.186.171.151
31	Thu nhập khác	107.289.888.825	93.449.895.224	439.291.980.337	314.546.263.699
32	Chi phí khác	110.980.974.825	139.737.600.748	422.069.994.830	415.903.770.054
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(3.691.086.000)	(46.287.705.524)	17.221.985.507	(101.357.506.355)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	2.252.940.497.691	682.848.723.009	7.701.806.735.906	3.989.828.664.796
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	293.290.112.623	127.922.149.218	1.138.453.615.351	516.978.888.313
52	Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	9.836.146.904	(10.991.211.480)	(42.869.428.090)	(31.532.711.296)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	1.949.814.238.164	565.917.785.271	6.606.222.548.644	3.504.382.487.779
61	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	1.949.186.323.380	565.167.885.395	6.601.835.864.849	3.485.462.964.249
62	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	627.914.784	749.899.876	4.386.583.795	18.919.523.530
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu			4.386.583.795	18.919.523.530

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Phạm Thị Kim Oanh



Trần Tuấn Dương



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 03 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Mã số	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 VND
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>7.701.806.735.906</b>	<b>3.989.828.664.796</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		1.654.261.385.297	1.281.591.263.404
Phân bổ lợi thế thương mại	02		21.203.283.973	290.990.807.284
Các khoản dự phòng	03		(118.605.705.660)	65.304.349.717
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	04		19.673.072.550	13.166.497.767
Chi phí lãi vay	05		(49.200.277.232)	(81.208.667.361)
	06		280.011.238.165	251.337.896.345
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>9.509.149.732.999</b>	<b>5.811.010.811.952</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(784.503.857.750)	(17.333.301.250)
Biến động hàng tồn kho	10		(3.227.506.545.824)	390.083.981.802
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		2.133.543.420.258	(849.876.282.431)
Biến động chi phí trả trước	12		125.126.006.085	66.692.373.461
Tiền lãi vay đã trả	14		(280.727.922.151)	(284.307.633.410)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(846.075.107.851)	(447.842.572.341)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(139.155.467.827)	(125.477.836.812)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.489.850.257.939</b>	<b>4.542.949.540.971</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.900.879.371.729)	(3.386.572.345.633)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		20.753.047.659	32.360.460.543
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.881.264.594.513)	(298.004.536.121)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		1.990.507.094.031	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(73.131.328.075)	(230.628.789.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		42.029.116.654	119.070.843.886
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.801.986.035.973)</b>	<b>(3.763.774.366.325)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 03 - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Mã số	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	58.500.000
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(170.000.000)	-
Tiền thu từ đi vay	33		23.349.644.965.119	22.541.238.710.236
Tiền trả nợ gốc vay	34		(23.749.857.081.250)	(22.433.385.840.450)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.101.837.373.562)	(540.720.414.633)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.502.219.489.693)</b>	<b>(432.809.044.847)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>2.185.644.732.273</b>	<b>346.366.129.799</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		2.372.761.840.865	2.026.280.467.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		254.140.367	115.243.361
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>		<b>4.558.660.713.505</b>	<b>2.372.761.840.865</b>

Hưng Yên, ngày 21 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Trang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Kim Oanh



Trần Tuấn Dương



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình, trường học;
- Sản xuất và chế biến gỗ;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí (chủ yếu là máy móc xây dựng, bàn ghế, tủ văn phòng);
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện;
- Buôn bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải và khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, thiết bị quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, đặt, sửa chữa, bảo hành hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác đá, cát, sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu và kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại, sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép; đúc gang, sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox ;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu, chuyên giao vận động viên);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sân thi đấu thể thao;
- Ủy thác xuất- nhập khẩu;
- Chăn nuôi lợn, bò, gia cầm, chăn nuôi khác, hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;

#### 3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Số lượng các Công ty con được hợp nhất:	12
Số lượng các Công ty con không được hợp nhất:	0

### 5. Cấu trúc Công ty

• Danh sách các công ty con		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	Quyền biểu quyết của Tập đoàn
1	<b>Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa phát</b> Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,72%	99,72%
2	<b>Công ty Cổ phần Nội thất Hòa phát</b> Địa chỉ: Đường B4, khu B, KCN Phố Nối A, Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên	99,60%	99,60%
3	<b>Công ty TNHH Ống thép Hòa phát</b> Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,94%	99,94%
4	<b>Công ty TNHH Điện lạnh Hòa phát</b> Địa chỉ: Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	99,67%	99,67%
5	<b>Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa phát</b> Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,67%	99,67%
6	<b>Công ty CP Thép Hòa phát</b> Địa chỉ: Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	99,99%	99,99%
7	<b>Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông</b> Địa chỉ: Số 415, đường Trần Phú, P. Trần Phú, thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang	99,96%	99,96%
8	<b>Công ty CP Golden Gain Việt Nam</b> Khu NO3, Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, đường Hoàng Minh Giám, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội	99,99%	99,99%
9	<b>Công ty CP Năng lượng Hòa phát</b> Địa chỉ: Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	99,89%	99,89%
10	<b>Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa phát</b> Địa chỉ: KCN Phố nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt nam	100,00%	100,00%
11	<b>Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát</b> Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	99,99%	99,99%
12	<b>Công ty TNHH Một thành viên Tôn Hòa Phát</b> Địa chỉ: Đường E1, khu E, khu công nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	100%	100%
• Danh sách các công ty liên doanh, liên kết			
	<b>Công ty Cổ phần Khai Khoáng Hòa phát- SSG</b> Địa chỉ: Tổ 3- Phường Trần Hưng Đạo- TP Kon Tum- Tỉnh Kon Tum	38,00%	38,00%



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”).

### III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các khoản mục tài sản có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản mục nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

- Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền
- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kế khai thường xuyên
- *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (Hữu hình, vô hình, thuê tài chính):* TSCĐ phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong bảng Cân đối kế toán hợp nhất phản ánh 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.
- *Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):* áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- *Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:* Bất động sản đầu tư được ghi nhận nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của BĐS đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản hoạt động theo cách thức dự kiến
- *Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư:* Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

### 7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- *Công ty con:* là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.
- *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết:* được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi nhận vào nguyên giá các tài sản này.

### 9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước, lợi thế thương mại

- *Chi phí trả trước:* Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- *Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại:* Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính không quá 10 năm.

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- *Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:* Được ghi nhận theo số vốn góp thực góp của chủ sở hữu.
- *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:* Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Doanh nghiệp sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- *Doanh thu bán hàng:* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại
- *Doanh thu cung cấp dịch vụ:* Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của dịch vụ tại ngày kết thúc năm kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.
- *Doanh thu cho thuê:* Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.
- *Doanh thu bán căn hộ:* Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.
- *Thu nhập từ tiền lãi:* Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền mặt	12.779.195.763	7.364.886.583
Tiền gửi ngân hàng	544.143.517.964	342.031.319.837
<b>Cộng</b>	<b>556.922.713.727</b>	<b>349.396.206.420</b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

##### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND Đã phân loại lại	Giá trị ghi sổ VND Đã phân loại lại
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	693.498.769.815	693.498.769.815	758.094.875.121	758.094.875.121
	<b>693.498.769.815</b>	<b>693.498.769.815</b>	<b>758.094.875.121</b>	<b>758.094.875.121</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	59.890.620.768	59.890.620.768	83.037.014.980	83.037.014.980
	<b>59.890.620.768</b>	<b>59.890.620.768</b>	<b>83.037.014.980</b>	<b>83.037.014.980</b>

##### b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Nội dung	31/12/2016 VND		31/12/2015 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
▪ Đầu tư vào Công ty liên kết	3.271.387.743		3.806.335.925	
- Công ty Cổ phần Khai Khoáng Hòa Phát- SSG	3.271.387.743	-	3.806.335.925	-
▪ Đầu tư vào đơn vị khác	15.702.128.365		15.702.128.365	
- Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Việt Hà	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	700.000.000	-	700.000.000	-
- Khác	2.128.365	-	2.128.365	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>				
Phải thu của khách hàng	1.530.020.527.490	(39.139.337.971)	1.210.987.095.176	(39.076.739.619)
<b>Cộng ngắn hạn</b>	<b>1.530.020.527.490</b>	<b>(39.139.337.971)</b>	<b>1.210.987.095.176</b>	<b>(39.076.739.619)</b>

### 4. Phải thu khác

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu khác – ngắn hạn</b>				
Lãi phải thu	12.813.541.067	-	16.260.121.412	-
Thuế chờ hoàn	2.725.908.790	-	2.916.009.473	-
Vật tư mang đi gia công	14.844.245.564	-	3.167.292.171	-
Phải thu khác	144.674.616.105	(2.200.000.000)	24.890.929.955	(2.200.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>175.058.311.526</b>	<b>(2.200.000.000)</b>	<b>47.234.353.011</b>	<b>(2.200.000.000)</b>
<b>Phải thu khác – dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	6.311.369.000	-	2.606.825.000	-
Phải thu khác	16.490.458.438	-	8.878.433.954	-
<b>Cộng</b>	<b>22.801.827.438</b>	<b>-</b>	<b>11.485.258.954</b>	<b>-</b>

### 5. Hàng tồn kho

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.471.513.509.528	(58.099.363.656)	695.366.378.460	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.649.099.531.307	(59.955.623.387)	2.728.251.654.898	(224.904.352.851)
Công cụ, dụng cụ	973.951.886.508	(520.216.113)	826.775.384.751	(18.367.069)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	842.800.448.673	-	881.447.559.380	-
Thành phẩm	3.235.373.350.644	(23.511.145.121)	1.913.398.544.726	(42.842.913.922)
Hàng hóa	182.899.628.917	(2.213.865.900)	76.824.564.678	(2.847.972.743)
Hàng gửi bán	35.875.103.679	-	85.991.306.756	-
<b>Cộng</b>	<b>10.391.513.459.256</b>	<b>(144.300.214.177)</b>	<b>7.208.055.393.649</b>	<b>(270.613.606.585)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu kỳ	4.339.188.508.885	429.472.156.988
Tăng trong kỳ	2.727.759.048.695	4.522.554.816.392
Tăng do mua công ty con	1.408.754.513	-
Giải thể công ty con cấp 2	(166.671.113)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.829.838.637.116)	(566.996.059.615)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(16.766.590.000)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(7.786.557.067)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(12.093.711.675)	(41.913.545.408)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.810.759.024)	(3.333.681.721)
Thanh lý	(6.455.860.065)	-
Biến động khác	(9.945.913.388)	(595.177.751)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.183.491.612.645</b>	<b>4.339.188.508.885</b>

### Chi tiết

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Dự án KLH Gang thép tại Hải Dương	66.188.073.600	3.741.704.609.074
Dự án Nhà máy điện	-	117.760.569.806
Dự án Nhà máy ống thép mở rộng	156.166.783.570	150.545.022.392
Dự án Nông nghiệp	842.665.600.976	124.154.056.454
Dự án Nhà máy tôn mạ màu	13.903.165.120	-
Dự án khác	104.567.989.379	205.024.251.159
<b>Cộng</b>	<b>1.183.491.612.645</b>	<b>4.339.188.508.885</b>



Mẫu B.09a - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>												
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>2.961.524.231.496</b>	<b>9.600.099.685.033</b>	<b>461.158.947.117</b>	<b>29.886.932.589</b>	<b>2.370.983.862</b>	<b>13.055.040.780.097</b>						
- Mua trong kỳ	36.677.656.543	118.530.181.894	87.130.918.634	6.171.244.997	(93.464.157)	248.416.537.911						
- Tăng do góp vốn	2.336.701.358	-	-	-	-	2.336.701.358						
- Đầu tư XDCB hoàn thành	811.316.931.321	4.966.249.140.268	22.568.244.890	1.880.570.913	27.823.749.724	5.829.838.637.116						
- Thanh lý công ty con	(77.275.405.062)	(77.166.842.563)	(14.540.786.007)	-	-	(168.983.033.632)						
- Tăng khác	-	685.610.293	-	-	-	685.610.293						
- Thanh lý, nhượng bán	(3.703.797.265)	(88.634.205.857)	(12.661.712.650)	(1.627.996.742)	(298.523.809)	(106.926.236.323)						
- Giảm khác	(10.400.000)	(3.550.474.712)	-	-	(1.776.541.200)	(5.337.415.912)						
- Phân loại lại	(1.715.796.014)	(1.382.253.986)	3.750.000.000	(651.950.000)	-	-						
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>3.729.150.122.377</b>	<b>14.514.830.840.370</b>	<b>547.405.611.984</b>	<b>35.658.801.757</b>	<b>28.026.204.420</b>	<b>18.855.071.580.908</b>						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>933.179.565.406</b>	<b>3.852.183.593.364</b>	<b>201.193.043.927</b>	<b>20.223.515.081</b>	<b>790.953.286</b>	<b>5.007.570.671.064</b>						
- Khấu hao trong kỳ	242.758.884.727	1.316.735.703.796	64.318.088.649	4.412.974.870	541.025.306	1.628.766.677.348						
- Thanh lý công ty con	(77.275.405.062)	(76.656.764.357)	(15.822.363.571)	-	-	(169.754.532.990)						
- Thanh lý, nhượng bán	(2.339.373.608)	(81.410.786.913)	(11.907.636.824)	(1.241.748.074)	(298.523.809)	(97.198.069.228)						
- Giảm khác	-	(1.472.109.805)	-	-	(296.765.387)	(1.768.875.192)						
- Phân loại lại	(252.603.300)	367.180.465	34.375.000	(148.952.165)	-	-						
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>1.096.071.068.163</b>	<b>5.009.746.816.550</b>	<b>237.815.507.181</b>	<b>23.245.789.712</b>	<b>736.689.396</b>	<b>6.367.615.871.002</b>						
<b>Giá trị còn lại</b>												
Tại ngày 31/12/2015	2.028.344.666.090	5.747.916.091.669	259.965.903.191	9.663.417.508	1.580.030.576	8.047.470.109.033						
Tại ngày 31/12/2016	2.633.079.054.214	9.505.084.023.820	309.590.104.804	12.413.012.045	27.289.515.024	12.487.455.709.906						



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
 Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
 Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư tại ngày 31/12/2015	188.088.756.072	3.659.413.523	1.500.909.664	193.249.079.259
- Mua trong kỳ	1.200.000.000	4.795.047.927	-	5.995.047.927
- Xây dựng cơ bản chuyển sang	16.766.590.000	-	-	16.766.590.000
- Thanh lý công ty con	-	(40.000.000)	-	(40.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>206.055.346.072</b>	<b>8.414.461.450</b>	<b>1.500.909.664</b>	<b>215.970.717.186</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư tại ngày 31/12/2015	24.967.658.624	2.820.172.605	1.500.909.664	29.288.740.893
- Khấu hao trong kỳ	3.267.811.719	805.480.761	-	4.073.292.480
- Thanh lý công ty con	-	(40.000.000)	-	(40.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>28.235.470.343</b>	<b>3.585.653.366</b>	<b>1.500.909.664</b>	<b>33.322.033.373</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 31/12/2015	163.121.097.448	839.240.918	-	163.960.338.366
Tại ngày 31/12/2016	177.819.875.729	4.828.808.084	-	182.648.683.813

### 9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư tại ngày 31/12/2015	15.780.994.600	220.669.064.952	236.450.059.552
Tăng trong kỳ	-	19.514.545.865	19.514.545.865
Tăng từ xây dựng cơ bản	-	7.786.557.067	7.786.557.067
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.122.668.524)	(18.122.668.524)
<b>Số dư ngày 31/12/2016</b>	<b>15.780.994.600</b>	<b>229.847.499.360</b>	<b>245.628.493.960</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư tại ngày 31/12/2015	-	43.955.766.732	43.955.766.732
Khấu hao trong kỳ	-	11.289.634.864	11.289.634.864
Thanh lý, nhượng bán	-	(12.373.825.216)	(12.373.825.216)
<b>Số dư ngày 31/12/2016</b>	<b>-</b>	<b>42.871.576.380</b>	<b>42.871.576.380</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 31/12/2015	15.780.994.600	176.713.298.220	192.494.292.820
Tại ngày 31/12/2016	15.780.994.600	186.975.922.980	202.756.917.580

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 10. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước		Công cụ dụng cụ		Chi phí sửa chữa văn phòng và nhà xưởng		Chi phí đền bù đất và giải phóng mặt bằng		Khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu kỳ	233.090.784.881	51.510.458.326	223.773.189.559	23.536.108.962	19.772.286.952	551.682.828.680					
Tăng trong kỳ	139.635.757.917	89.412.003.418	24.028.888.771	17.666.194.487	20.525.540.826	291.268.385.419					
Chuyển từ xây dựng cơ bản	3.663.848.250	2.537.908.382	3.430.414.379	-	2.461.540.664	12.093.711.675					
Thanh lý	(10.384.847.862)	(42.218.538)	-	(643.153.874)	(8.886.652.996)	(19.956.873.270)					
Phân bổ trong kỳ	(10.131.780.605)	(57.312.705.108)	(185.573.756.624)	(2.450.788.422)	(11.871.330.350)	(267.340.361.109)					
Phân loại lại	(1.578.833.446)	(152.293.067)	-	1.578.833.446	152.293.067	-					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>354.294.929.135</b>	<b>85.953.153.413</b>	<b>65.658.736.085</b>	<b>39.687.194.599</b>	<b>101.412.398.983</b>	<b>647.006.412.215</b>					



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 11. Lợi thế thương mại

Công ty	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 31/12/2015	
	Giá Gốc VND	Giá trị còn lại VND	Giá Gốc VND	Giá trị còn lại VND
Công ty CP Năng Lượng Hòa Phát	206.244.396.684	70.466.835.534	206.244.396.684	91.091.275.203
Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Hòa Bình	4.367.130.430	4.367.130.430	-	-
<b>Cộng</b>	<b>210.611.527.113</b>	<b>74.833.965.964</b>	<b>206.244.396.684</b>	<b>91.091.275.203</b>

### 12. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn	5.938.170.638.894	6.116.817.325.257
<b>Cộng</b>	<b>5.938.170.638.894</b>	<b>6.116.817.325.257</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
Vay dài hạn	522.200.000.000	739.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>522.200.000.000</b>	<b>739.000.000.000</b>

### 13. Phải trả người bán

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.733.661.028.705	2.638.687.908.117
<b>Cộng</b>	<b>3.733.661.028.705</b>	<b>2.638.687.908.117</b>

Mẫu B.09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 20/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016		Mua công ty con		Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ		Bán công ty con		Tại ngày 31/12/2016	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	27.230.376.576	136.876.614	720.698.992.613	(695.022.365.974)	52.598.554.375							
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	2.165.002.219	-	1.606.345.409.158	(1.605.574.010.143)	2.936.401.234							
Thuế GTGT, TNDN nộp thay nhà thầu	1.426.954.456	42.388.685	25.335.339.081	(25.145.743.302)	1.616.550.235							
Thuế xuất nhập khẩu	892.864.191	-	106.262.632.080	(107.128.936.104)	26.560.167							
Thuế thu nhập doanh nghiệp	300.528.703.513	43.216.622	1.138.453.615.351	(766.960.269.802)	672.022.049.062							
Thuế thu nhập cá nhân	1.192.733.258	301.033.274	51.965.402.625	(50.495.077.954)	2.680.990.233							
Thuế tiêu thụ đặc biệt	117.580.416	-	32.096.943.359	(30.303.966.928)	1.910.556.847							
Thuế tài nguyên	4.675.648.019	-	68.300.824.596	(67.067.132.299)	5.794.335.116							
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	57.304.516.484	-	11.578.870.463	(68.277.689.569)	605.697.378							
Các loại thuế, phí khác	2.995.720.675	617.944	38.633.140.629	(37.337.772.590)	4.194.688.714							
<b>Cộng</b>	<b>398.530.099.807</b>	<b>524.133.139</b>	<b>3.799.671.169.955</b>	<b>(3.453.312.964.665)</b>	<b>744.386.383.361</b>							



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 15. Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
Chi phí phải trả cho nhà thầu	26.672.368.281	-
Chi phí lãi vay	16.930.433.412	18.514.828.201
Chi phí khuyến mại	62.560.595.468	26.614.711.130
Trích trước giá vốn căn hộ Mandarin	1.000.000.000	-
Các khoản khác	52.443.035.368	61.626.845.619
<b>Cộng</b>	<b>159.606.432.529</b>	<b>106.756.384.950</b>
<b>Chi phí phải trả dài hạn</b>		
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn đất KCN	280.768.142.325	181.520.840.109
<b>Cộng</b>	<b>280.768.142.325</b>	<b>181.520.840.109</b>

### 16. Phải trả khác

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>		
Phải trả Công ty TNHH Golden Gain Enterprises	11.712.881.996	3.756.425.917
Phải trả RHI Retractories Asia Ltd	3.760.749.106	7.384.565.916
Lãi vay phải trả	973.865.604	106.154.801
Cổ tức phải trả	1.961.231.000	1.549.770.000
Chiết khấu phải trả cho khách hàng	63.062.239.976	41.960.588.602
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, kinh phí công đoàn	12.996.623.637	8.788.887.474
Đặt cọc thực hiện hợp đồng thuê đất khu công nghiệp	17.539.127.032	-
Đặt cọc mua nhà, hoàn thiện căn hộ	9.179.600.000	11.202.000.000
Các khoản phải trả khác	19.411.423.055	21.128.330.777
<b>Cộng</b>	<b>140.597.741.406</b>	<b>95.876.723.487</b>
<b>Phải trả khác dài hạn</b>		
Quỹ kinh phí bảo trì	110.699.629.045	104.098.853.611
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.859.540.154	6.086.243.813
<b>Cộng</b>	<b>118.559.169.199</b>	<b>110.185.097.424</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN/IN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 17. Dự phòng phải trả

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>Dự phòng phải trả ngắn hạn</b>		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	14.918.462.172	9.745.648.320
<b>Cộng</b>	<b>14.918.462.172</b>	<b>9.745.648.320</b>
<b>Dự phòng phải trả dài hạn</b>		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	9.235.894.531	7.600.565.118
Kỹ quỹ phục hồi môi trường	9.599.041.585	8.762.096.454
<b>Cộng</b>	<b>18.834.936.116</b>	<b>16.362.661.572</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**18. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>4.819.081.750.000</b>	<b>2.207.350.817.068</b>	<b>4.094.767.826.367</b>	<b>674.783.632.921</b>	<b>-</b>	<b>169.355.717.253</b>	<b>11.795.984.026.356</b>
Góp vốn						58.500.000	58.500.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	3.485.462.964.249	-	-	18.919.523.530	3.504.382.487.779
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	1.465.851.380.000	(1.465.851.380.000)	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	67.350.000.000	(67.350.000.000)	-	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	977.231.060.000	-	(977.231.060.000)	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	(488.625.075.000)	-	-	(52.129.190.633)	(540.754.265.633)
Thu hồi cổ phiếu thưởng của nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	638.500.000	-	(638.500.000)	-	-
Phân bổ quỹ đầu tư phát triển	-	-	(216.652.458.918)	216.652.458.918	-	-	-
Phân bổ quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(260.167.975.341)	-	-	-	(260.167.975.341)
Thù lao cho thành viên ban kiểm soát	-	-	(100.000.000)	-	-	-	(100.000.000)
Chênh lệch phát sinh từ việc mua thêm cổ phần công ty con	-	-	(117.247.358.223)	-	-	(113.381.430.777)	(230.628.789.000)
Biến động khác	-	-	28.486.992.968	-	-	93.690.828	28.580.683.796
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>7.329.514.190.000</b>	<b>674.149.437.068</b>	<b>5.549.332.356.102</b>	<b>891.436.091.839</b>	<b>(638.500.000)</b>	<b>22.916.810.201</b>	<b>14.466.710.385.210</b>
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>7.329.514.190.000</b>	<b>674.149.437.068</b>	<b>5.549.332.356.102</b>	<b>891.436.091.839</b>	<b>(638.500.000)</b>	<b>22.916.810.201</b>	<b>14.466.710.385.210</b>
Góp vốn						81.758.000.000	81.758.000.000
Thoái vốn						(170.000.000)	(170.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	6.601.835.864.849	-	-	4.386.683.795	6.606.222.548.644
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.099.235.370.000	-	(1.099.235.370.000)	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	(1.099.263.178.500)	-	-	(2.985.656.062)	(1.102.248.834.562)
Thu hồi cổ phiếu thưởng của nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	454.500.000	-	(454.500.000)	-	-
Phân bổ quỹ đầu tư phát triển	-	-	(264.979.655.374)	264.979.655.374	-	-	-
Phân bổ quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(211.980.983.165)	-	-	-	(211.980.983.165)
Trả thù lao cho thành viên ban kiểm soát	-	-	(90.000.000)	-	-	-	(90.000.000)
Biến động khác	-	-	13.686.964.014	-	-	67.819.540	13.754.783.554
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>8.428.749.560.000</b>	<b>674.149.437.068</b>	<b>9.489.760.497.926</b>	<b>1.156.415.747.213</b>	<b>(1.093.000.000)</b>	<b>105.973.657.473</b>	<b>19.853.955.899.680</b>





# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN/IN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### b. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	7.329.514.190.000	4.819.081.750.000
Phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	-	1.465.851.380.000
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	-	67.350.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.099.235.370.000	977.231.060.000
Vốn góp cuối kỳ	8.428.749.560.000	7.329.514.190.000

### c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	31/12/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	842.874.956	732.951.419
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	842.874.956	732.951.419
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu thu hồi làm cổ phiếu quỹ	(109.300)	(63.850)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	842.765.656	732.887.569
Cổ phiếu phổ thông	842.765.656	732.887.569
Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

### d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.156.415.747.213	891.436.091.839



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN/IN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

#### 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng	10.024.052.659.797	6.850.972.266.080
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.122.425.961	63.753.397.691
Doanh thu bán bất động sản và cho thuê bất động sản đầu tư	75.161.686.940	102.571.200.000
Doanh thu khác	55.233.846.304	236.525.627.152
<b>Cộng</b>	<b>10.175.570.619.002</b>	<b>7.253.822.490.923</b>

#### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Chiết khấu thương mại	217.386.920.380	120.429.558.996
Giảm giá hàng bán	78.584.468	132.098.823
Hàng bán bị trả lại	7.605.191.228	11.483.953.595
<b>Cộng</b>	<b>225.070.696.076</b>	<b>132.045.611.414</b>

#### 3. Giá vốn hàng bán

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	7.267.415.334.898	5.546.391.220.551
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	8.820.128.290	59.762.159.602
Giá vốn bất động sản đã bán và đầu tư cho thuê	50.206.494.171	57.470.851.068
Giá vốn khác	60.631.530.364	162.349.239.096
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(75.700.321.146)	(9.044.914.717)
<b>Cộng</b>	<b>7.311.373.166.577</b>	<b>5.816.928.555.599</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.374.403.740	36.313.978.660
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.993.680.950	6.932.190.481
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.294.904	22.525.111.790
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.309.518.870	930.000
<b>Cộng</b>	<b>45.692.898.464</b>	<b>65.772.210.931</b>

### 5. Chi phí tài chính

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	62.619.491.648	69.410.365.686
Chiết khấu thanh toán	4.796.344.400	4.259.779.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.528.817.586	4.256.533.310
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	19.688.367.454	78.260.489.238
Chi phí tài chính khác	123.301.950	1.008.528.238
<b>Cộng</b>	<b>100.756.323.038</b>	<b>108.250.152.524</b>

### 6. Thu nhập khác

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.755.341.323	9.887.774.352
Thu từ bán điện nước, cung cấp dịch vụ	108.053.046.766	79.742.727.771
Tiền phạt thu được	1.017.644.072	1.196.812.427
Thu nhập khác	(3.536.143.336)	2.622.580.674
<b>Cộng</b>	<b>107.289.888.825</b>	<b>93.449.895.224</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN/BN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 7. Chi phí khác

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý	2.202.556.201	14.658.692.739
Chi phí điện, nước, dịch vụ cung cấp	107.808.800.812	79.378.142.424
Phí cấp quyền khai thác	-	(17.234.589.154)
Phí bảo dưỡng	-	57.946.310.591
Bồi thường cho các đơn vị khác	735.421.236	-
Chi phí khác	234.196.576	4.989.044.148
<b>Cộng</b>	<b>110.980.974.825</b>	<b>139.737.600.748</b>

### 8. Chi phí bán hàng

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Chi phí quảng cáo	30.430.994.323	8.082.536.282
Chi phí nhân viên	22.407.888.131	7.828.487.589
Chi phí bảo hành	6.391.841.701	-
Chi phí vận chuyển	44.395.388.738	43.786.893.990
Chi phí xuất khẩu	112.132.126	-
Chi phí khuyến mại	2.804.502.534	1.874.791.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	50.418.693.441	50.899.009.912
<b>Cộng</b>	<b>156.849.308.868</b>	<b>112.471.719.376</b>

### 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	5.156.109.918	207.958.669.146
Chi phí nhân viên	93.413.633.982	90.181.961.271
Chi phí khấu hao	8.268.716.013	56.317.148.830
Phí, lệ phí	1.346.712.032	2.770.510.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	61.892.920.423	63.393.954.350
<b>Cộng</b>	<b>170.078.092.368</b>	<b>420.622.244.545</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Các giao dịch giữa các bộ phận được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

11/9/10/11  
00/00/00  
H/1/11

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ)		Sản xuất và kinh doanh khác		Sản xuất công nghiệp khác		Kinh doanh bất động sản		Nông nghiệp		Loại trừ		Tổng cộng	
	VND	2	VND	3	VND	4	VND	6	VND	8	VND	9	VND	10
<b>Số liệu Quý 4 năm 2016</b>														
<b>Doanh thu</b>														
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài</i>		-		8.663.572.792.616		692.561.293.220		101.914.003.205		492.451.833.885		-		9.950.499.922.926
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận</i>		41.075.419.947		6.214.409.979.345		97.445.466.843		2.216.457.368		365.215.162.869		(6.720.362.486.372)		-
<b>Tổng doanh thu thuần</b>		<b>41.075.419.947</b>		<b>14.877.982.771.961</b>		<b>790.006.760.063</b>		<b>104.130.460.573</b>		<b>857.666.996.754</b>		<b>(6.720.362.486.372)</b>		<b>9.950.499.922.926</b>
<b>Kết quả</b>														
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		537.596.067.577		2.006.734.080.663		129.023.396.284		33.979.714.244		72.063.953.939		(522.765.629.017)		2.256.631.583.690
Thu nhập khác		2.360.520.374		113.331.937.689		(8.828.315.069)		5.056.271.687		(42.612.589.855)		37.982.063.999		107.289.888.825
Chi phí khác		112.439.860		105.933.180.502		1.024.184.116		3.815.342.414		1.279.469.172		(1.183.641.239)		110.980.974.825
<i>Lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế của bộ phận</i>		<i>539.844.148.091</i>		<i>2.014.132.837.850</i>		<i>119.170.897.099</i>		<i>35.220.643.517</i>		<i>28.171.894.913</i>		<i>(483.599.923.779)</i>		<i>2.252.940.497.691</i>
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		<i>18.357.879.105</i>		<i>242.595.218.464</i>		<i>16.040.870.618</i>		<i>16.103.315.331</i>		<i>192.829.104</i>		-		<i>293.290.112.623</i>
<i>Lợi ích/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</i>		-		<i>2.832.369.869</i>		<i>235.401.340</i>		<i>(3.923.701.894)</i>		<i>(1.803.573)</i>		<i>10.693.881.162</i>		<i>9.836.146.904</i>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế của bộ phận</b>		<b>521.486.268.986</b>		<b>1.768.705.249.517</b>		<b>102.894.625.141</b>		<b>23.041.030.080</b>		<b>27.980.869.382</b>		<b>(494.293.804.940)</b>		<b>1.949.814.238.164</b>
<b>Tài sản và công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>														
<i>Tài sản bộ phận</i>		<i>12.534.017.283.206</i>		<i>26.751.187.634.524</i>		<i>1.891.283.472.190</i>		<i>2.307.735.728.580</i>		<i>2.747.115.195.950</i>		<i>(13.004.783.187.355)</i>		<i>33.226.556.127.095</i>
<b>Tổng tài sản</b>		<b>12.534.017.283.206</b>		<b>26.751.187.634.524</b>		<b>1.891.283.472.190</b>		<b>2.307.735.728.580</b>		<b>2.747.115.195.950</b>		<b>(13.004.783.187.355)</b>		<b>33.226.556.127.095</b>
<i>Nợ phải trả bộ phận</i>		<i>211.460.052.426</i>		<i>12.711.541.949.317</i>		<i>715.761.060.879</i>		<i>985.915.041.210</i>		<i>547.388.011.007</i>		<i>(1.799.465.887.424)</i>		<i>13.372.600.227.415</i>
<b>Tổng nợ phải trả</b>		<b>211.460.052.426</b>		<b>12.711.541.949.317</b>		<b>715.761.060.879</b>		<b>985.915.041.210</b>		<b>547.388.011.007</b>		<b>(1.799.465.887.424)</b>		<b>13.372.600.227.415</b>
Nguyên giá														
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>		<i>63.963.126.004</i>		<i>16.491.730.357.426</i>		<i>1.296.691.307.905</i>		<i>211.165.021.991</i>		<i>630.256.473.527</i>		<i>161.265.294.055</i>		<i>18.855.071.580.908</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>		<i>31.773.096.640</i>		<i>93.131.979.835</i>		<i>89.637.374.071</i>		-		<i>3.771.347.927</i>		<i>(2.363.081.287)</i>		<i>215.970.717.186</i>
<b>Khấu hao</b>														
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>		<i>(35.333.652.647)</i>		<i>(5.476.883.308.634)</i>		<i>(727.191.464.254)</i>		<i>(68.710.703.411)</i>		<i>(21.062.712.806)</i>		<i>(38.434.029.230)</i>		<i>(6.367.615.871.002)</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>		<i>(2.373.493.696)</i>		<i>(15.931.272.085)</i>		<i>(18.031.565.855)</i>		-		<i>(111.323.850)</i>		<i>3.125.622.113</i>		<i>(33.322.033.373)</i>

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ)		Sản xuất và kinh doanh thép		Kinh doanh máy xây dựng		Kinh doanh bất động sản		Nông nghiệp		Loại trừ		Tổng cộng	
	VND	2	VND	3	VND	4	VND	6	VND	8	VND	9	VND	10
<b>Số liệu Quý 4 năm 2015</b>														
<b>Doanh thu</b>														
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài</i>		-		5.618.230.350.283		628.052.146.935		148.335.422.063		727.158.960.228		-		7.121.776.879.509
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận</i>		6.659.800.000		3.409.744.935.078		46.697.964.962		2.170.215.445		882.363.636		(3.466.155.279.121)		-
<b>Tổng doanh thu thuần</b>		6.659.800.000		9.027.975.285.361		674.750.111.897		150.505.637.508		728.041.323.864		(3.466.155.279.121)		7.121.776.879.509
<b>Kết quả</b>														
<i>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		679.094.303.268		735.334.155.785		104.640.066.878		53.896.433.717		(51.422.387.224)		(792.406.143.892)		729.136.428.533
<i>Thu nhập khác</i>		1.980.599.333		90.883.692.301		51.726.246.059		3.735.616.039		387.367.265		(55.263.625.773)		93.449.895.224
<i>Chi phí khác</i>		118.199.472		136.121.358.289		943.552.160		2.433.847.459		120.643.368		-		139.737.600.748
<i>Lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế của bộ phận</i>		680.956.703.129		690.096.489.797		155.422.760.777		55.198.202.297		(51.155.663.327)		(847.669.769.665)		682.848.723.009
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		1.616.501.762		81.790.032.736		32.754.132.690		12.983.134.688		(1.221.652.658)		-		127.922.149.218
<i>Lợi ích/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</i>		-		(3.369.368.985)		(1.992.413.841)		594.962.545		-		(6.224.391.199)		(10.991.211.480)
<b>Lợi nhuận(lỗ) thuần sau thuế của bộ phận</b>		679.340.201.367		611.675.826.046		124.661.041.929		41.620.105.064		(49.934.010.669)		(841.445.378.466)		565.917.785.270
<b>Tài sản và công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>														
<i>Tài sản bộ phận</i>		9.631.228.863.998		20.794.438.209.585		1.910.318.727.906		1.910.699.885.605		965.948.963.815		(9.705.865.465.364)		25.506.769.185.545
<b>Tổng tài sản</b>		9.631.228.863.998		20.794.438.209.585		1.910.318.727.906		1.910.699.885.605		965.948.963.815		(9.705.865.465.364)		25.506.769.185.545
<i>Công nợ bộ phận</i>		210.778.630.594		9.905.643.324.266		758.586.589.679		505.658.442.121		647.341.216.503		(987.949.402.928)		11.040.058.800.235
<b>Tổng công nợ</b>		210.778.630.594		9.905.643.324.266		758.586.589.679		505.658.442.121		647.341.216.503		(987.949.402.928)		11.040.058.800.235
<i>Nguyên giá</i>														
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>		50.017.001.242		11.337.324.879.407		1.224.995.653.050		208.125.074.257		18.490.120.000		216.088.052.141		13.055.040.780.097
<i>Tài sản cố định vô hình</i>		31.110.496.640		75.498.439.835		89.003.224.071		-		-		(2.363.051.287)		193.249.079.259
<b>Khấu hao</b>														
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>		(30.407.375.878)		(4.281.826.676.447)		(610.973.033.186)		(57.501.757.819)		(802.108.154)		(26.059.719.580)		(5.007.570.671.064)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>		(2.235.086.835)		(14.126.110.816)		(15.820.843.510)		-		-		2.893.300.268		(29.288.740.893)



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam  
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613  
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 2. Giải trình kết quả kinh doanh trong trường hợp có biến động trên 10%

Lợi nhuận sau thuế toàn Tập đoàn Quý 4 năm 2016 là 1.950 tỷ đồng, tăng 1.384 tỷ đồng tương ứng 89% so với cùng kỳ năm 2015 là do sản lượng thép xây dựng tăng 62% và ống thép tăng 50%.

Hưng Yên, ngày 01 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Trang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Kim Oanh

Hưng Yên, ngày 01 tháng 01 năm 2017  
Tổng Giám đốc  
  
Trần Tuấn Dương

C.T.C.P  
H.Y.